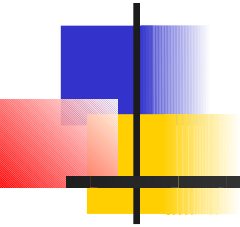


# Tâm lí học đại cương



ThS. Bùi Kim Chi  
Khoa Luật hình sự  
Trường đại học luật Hà Nội

# Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp



---

- I. Khái niệm chung về tâm lí con người
- II. Đối tượng, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của TLH
- III. Phương pháp nghiên cứu TLH

# Khái niệm chung về tâm lí con người



---

- Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người
  - Quan điểm của tâm lí học hiện đại
-



# Những hiện tượng tâm lí con người

---

**Hiện tượng tâm lí** là hiện tượng có cơ sở tự nhiên là hoạt động thần kinh và hoạt động nội tiết, được nảy sinh bằng hoạt động sống của từng người và gắn bó mật thiết với các quan hệ xã hội.

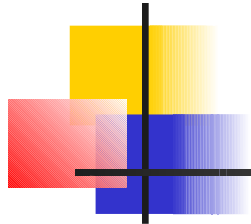
# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

- Tâm lí học Hy Lạp cổ đại:
- Quan điểm DT Hy Lạp cổ đại:

**Platôn**(428 – 348 tr.CN):

Tâm lí là cái có trước, còn thực tại mà con người sống trong đó là cái có sau. Tinh thần, tư tưởng, TL tồn tại không phụ thuộc vào con người và sự vật xung quanh; linh hồn là “bất tử”; ”thế giới ý niệm” là nguồn gốc của vạn vật.

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



Quan điểm DV Hy Lạp cổ đại:

**Talét** (624 – 547 tr.CN): vạn vật là do nước sinh ra.

**Hêraclít** (520 – 460 tr.CN): vạn vật là do lửa sinh ra.

**Đêmocrit** (460 – 370 tr.CN):

Các biểu hiện TL cũng phải tuân thủ các qui luật của TG vật chất, vạn vật là do nguyên tử cấu thành, nhưng là một loại nguyên tử rất tinh vi. Vật thể và linh hồn có lúc phải bị diệt do nguyên tử bị tiêu hao.

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

**Arixtôt** (384 – 322 tr.CN):

Tinh thần chỉ là một chức năng của thân thể (thị giác là chức năng của mắt, thính giác là chức năng của tai,...).

Nói đến TL, tâm hồn là nói đến nhìn, nghe, ngửi, nếm, suy nghĩ, biểu tượng, tưởng tượng, niềm tin, ... như là những chức năng của cơ thể. Ông coi chức năng vận động, HĐ là chức năng quyết định sự sống còn của cơ thể. Ước muốn, đam mê hợp thành ý chí. Ý chí cùng với trí tuệ là 2 NL của tâm hồn làm cho cơ thể vận động, HĐ.



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

---

**Xôcrát** (469 – 399 tr.CN):

“Hãy tự biết mình”

Ông coi việc tự nhận thức bản thân như một đặc trưng hết sức tiêu biểu cho tâm lí người.



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

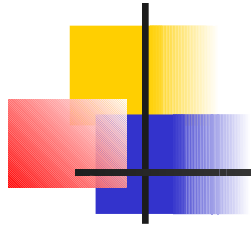
■ Tâm lí học thế kỉ XVII, XVIII, XIX:

- **R.Đécác** (1596 – 1650):

Là người đầu tiên phát hiện ra phản xạ và dùng phản xạ để giải thích hoạt động TL.

"Tôi tư duy là tôi tồn tại" → TD được hiểu là sự thông hiểu, mong muốn, tưởng tượng, YT,... nói chung là cả TG tinh thần, hoạt động TL. Con người *có cảm, muốn, nghĩ, hiểu,... thì mới là sống, bằng không sống cũng như chết.* → Mệnh đề này khẳng định vai trò của TL, đề cao vai trò của ý chí (Ưu).

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



Hạn chế: Ông là nhà nhị nguyên luận; Thực chất cũng là nhà duy tâm ( Tôi TD – Tôi tồn tại).

Song công hiến của ông là tìm ra khái niệm phản xạ và dùng phản xạ để giải thích HĐTL.

Ông giải thích HĐ của cơ thể bắt đầu từ kích thích tạo ra xung động TK chạy theo một đường TK rồi xuống tứ chi hay một cơ bắp nào đó là cơ quan thực hiện phản xạ (ví dụ, tay chạm phải mũi kim thì lập tức rụt lại).

HĐ của động vật và tất cả mọi HĐ vô ý thức của con người đều là sự phản ứng tự động đối với kích thích bên ngoài. Ông gọi loại HĐ này là HĐ phản xạ.



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

---

*Hoạt động phản xạ là sự phản ứng tự động của cơ thể đối với kích thích bên ngoài. Bao gồm hoạt động của động vật và tất cả mọi hoạt động vô ý thức của con người.*



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

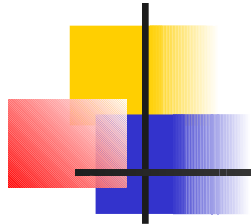
---

-Thế kỉ XVIII:

**La Mettri** (CNDV Pháp): ông thừa nhận vật chất tồn tại độc lập, chỉ có cơ thể mới có năng lực cảm giác. Nhưng ông lại cho con người chẳng qua chỉ là cái máy đồng hồ.

**Canbaních**: não tiết ra tư tưởng cũng như túi mật tiết ra nước mật.

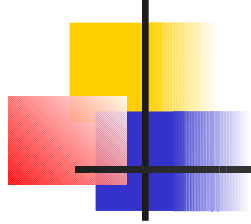
# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



## -Thế kỉ XIX:

**L.Phơbách** (1804 – 1872): khẳng định tinh thần – ý thức không thể tách rời khỏi não người, não người chính là sản phẩm của vật chất đã được phát triển đến mức cao nhất.


# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



- Tâm lí học thế kỉ XX:
- TLH hành vi:

**Oátson** (1878 – 1958): dùng quan điểm sinh vật học để nghiên cứu TL con người. Đối tượng nghiên cứu của họ là hành vi (qui luật của hành vi). Họ coi HĐ của con người giống HĐ của động vật: không có sự khác nhau và cũng không cần phân biệt sự khác nhau giữa các HĐ. Tất cả mọi HĐ, từ những động tác đơn giản đến những HĐ phức tạp, hay ý nghĩ, tư tưởng, tình cảm,... đều

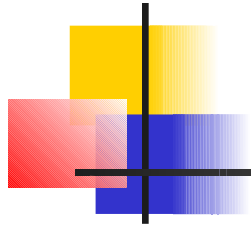
# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



là những “phản ứng” (R) của cơ thể nhằm đáp ứng những “kích thích” (S) từ bên ngoài tác động vào. Họ đưa ra công thức “S – R”.

Theo thuyết hành vi thì tất cả những vấn đề như ý thức, tư tưởng, tình cảm, ý chí, nhân cách, ... đều là những khái niệm trừu tượng, mơ hồ, không nhìn thấy, không sờ được, ... do đó không có ý nghĩa. Vì vậy TLH phải đi vào nghiên cứu những vấn đề cụ thể, thực tế, có thể quan sát được, đó là hành vi của con người.

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



- TLH Gestalt (TLH cấu trúc): **Véctơ Haimơ**, **Côpka** và **Côlơ** sáng lập ra ở Đức.

Trường phái này chuyên nghiên cứu tri giác, ít nhiều nghiên cứu tư duy trong những mối liên hệ thực giữa sự vật được tri giác hay hoàn cảnh đòi hỏi tư duy với người tri giác hay tư duy. Nhờ đó đã tìm ra tính chất ổn định của tri giác, qui luật hình và nền trong tri giác,...



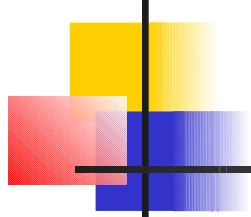


# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

---

Thuộc tính cơ bản của tri giác con người là tính trọn vẹn (cấu trúc). Trường phái này cho rằng con người có cấu trúc trọn vẹn nên bao giờ cũng phản ánh có tính chất trọn vẹn (tư duy). Họ nhấn mạnh tính hoàn chỉnh của YT. YT được hình thành do bản thân não vốn có sẵn “sự phân phối của lực từ trường”. TL, YT được nảy sinh do sự biến động của sự phân phối lực từ trường này không có QH gì với ngôn ngữ, với HTKQ, với HĐ thực tiễn của con người.

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người



- TLH phân tâm (S.Phrốt): trường phái này lí giải TL con người bằng cách sinh vật hóa con người. Luận điểm cơ bản: coi bản năng tính dục là cội nguồn của toàn bộ TG tinh thần, từ nội tâm cho đến hành vi bên ngoài, thậm chí cả các sáng tạo nghệ thuật.

Cấu trúc nhân cách con người hợp bởi 3 khối:

- + Khối vô thức;
- + Khối tiền ý thức;
- + Khối ý thức.

# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

Nhân cách được hợp bởi 3 con người:

- + Con người trung tính (con người bản năng);
- + Con người thường ngày;
- + Con người siêu phàm (con người lí tưởng).

Cơ sở của học thuyết Phrốt là khái niệm vô thức, Phrốt chia TL con người ra 3 thành phần:

- + “Cái nó” (“Cái đó”);
- + “Cái tôi”;
- + “Cái siêu tôi” (“Cái tôi lí tưởng”).



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

---

“Cái nó”: là cái vô thức (gồm những BN như: BN tính dục, BN sợ chết). Đây là thành phần quan trọng nhất trong đời sống TL con người, là cái chủ đạo, điều khiển toàn bộ các HĐ YT của con người.

“Cái tôi”: là tất cả những HĐ của con người, gồm HĐ trí óc và HĐ vật chất nhằm thỏa mãn những BN vô thức của “cái nó”.



# Các quan điểm khác nhau về tâm lí con người

---

“Cái siêu tôi”: là sự ràng buộc của XH, phong tục tập quán, luân lí,... đối với con người. Nó trở thành áp lực ngăn chặn, chèn ép đối với các BN, không để cho các BN tự do HĐ.

Giữa “cái nó” và “cái tôi LT” luôn luôn có xung đột, chống đối lẫn nhau. Phrốt gọi sự chống đối này là “sự kiểm duyệt”. Sự kiểm duyệt đó luôn gây ra sự kìm hãm, ức chế BN. Trong khi các BN bị kìm hãm, ức chế chúng bị dồn ép nhưng vẫn HĐ và điều khiển HV CN.

Một vấn đề trung tâm khác trong hệ thống lí luận của Phrốt là khái niệm về “Mặc cảm O-đíp” và “Tính dục tuổi thơ”.



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

- Tâm lí là chức năng của não:

Nếu không có não hoặc não bị tổn thương thì không có TL hoặc phát triển TL không bình thường.

Chỉ có não mới có TL, chỉ có khi nào não xuất hiện thì TL mới xuất hiện. Cho nên TL là thuộc tính của não, là sản vật của não (nói cách khác, TL là thuộc tính phản ánh của vật chất, là sản phẩm của sự phát triển lâu dài của bản thân vật chất).



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

**Hiện tượng tâm lí** là hiện tượng có cơ sở tự nhiên là hoạt động thần kinh và hoạt động nội tiết, được nảy sinh bằng hoạt động sống của từng người và gắn bó mật thiết với các quan hệ xã hội.

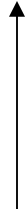


# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

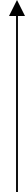
---

Sơ đồ các mức độ phản ánh của vật chất:

Phản ánh tâm lí



Phản ánh sinh vật



Phản ánh vật lí





# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

Mối quan hệ giữa não và tâm lí:

- Não là cơ sở vật chất, là nơi nảy sinh, tồn tại của TL. TL gắn liền với não, nhưng não không phải là TL.
- Ngược lại, TL cũng không phải là não, mà TL là HĐ của não. Thực chất của HĐTL, đứng về mặt nảy sinh mà nói là HĐ phản xạ có điều kiện. Phản xạ có điều kiện là chức năng đặc biệt trọng yếu của vỏ não. Nó là hoạt động sinh lí phổ biến của động vật và con người, đồng thời



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

cũng là hiện tượng TL. Phản xạ có điều kiện là cơ sở sinh lí của TL, là tiêu chuẩn để xét có hay không có TL.

- **R.Đề các:**

HĐ phản xạ bao gồm HĐ của động vật và tất cả mọi HĐ vô ý thức của con người.



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

- **Xét rên ếp:**

Tất cả mọi HĐ vô ý thức và có ý thức đều là hoạt động phản xạ.

HĐ phản xạ gồm 3 khâu:

Khâu 1: nhận S và dẫn truyền S đến trung khu TK tương ứng ở não.

Khâu 2: HĐ của trung khu TK và hiện tượng TL được sinh ra ở khâu này.

Khâu 3: dẫn truyền hình ảnh TL đến cơ quan vận động.



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

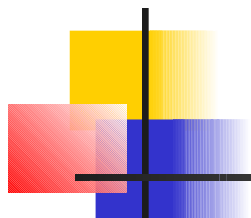
---

Khoa học hiện đại đưa thêm khâu 4: liên hệ ngược. Nhờ khâu này mà phản ánh TL của con người được hoàn thiện và tinh vi hơn, con người trở nên thích nghi với MT sống hơn.

- **I.P.Páplóp:**

Dùng thực nghiệm để chứng minh HĐTL là HĐ phản xạ mà Xêtrênốp đã nêu, vạch ra qui luật sinh lí của nó và sáng lập ra học thuyết phản xạ có ĐK.

# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người



- Tâm lí là sự phản ánh HTKQ vào não:

Nếu có bộ não hoàn chỉnh mà không có sự vật, hiện tượng KQ tác động vào nó thì cũng không có hiện tượng TL.

Kết luận: TGKQ tồn tại ở ngoài ta và không di chuyển theo ý muốn cá nhân. Sự phản ánh của não người cũng tồn tại ngoài ý muốn cá nhân. Dù muốn hay không hẳn có HTKQ tác động vào não thì sẽ dẫn đến sự phản ứng nhất định của não. Cho nên đứng về mặt nguồn gốc mà xét



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

thì nguồn gốc của TL là khách quan; đứng về mặt ND mà xét thì TL là mô hình của HT, là ảnh của HT, là sự phản ánh HTKQ vào não con người.



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

- Tâm lí mang tính chủ thể:

Mang dấu vết riêng, bản sắc riêng của người phản ánh, vì con người vừa là một thực thể tự nhiên vừa là một thực thể xã hội.

Cá nhân phản ánh HTKQ một cách tích cực.

Tâm lí của cá nhân là kinh nghiệm lịch sử của loài người đã biến thành cái riêng của từng người.



# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

- Tâm lí con người mang bản chất XH – lịch sử:
- Tâm lí con người mang bản chất xã hội vì:
  - Con người là con người XH, nên sống trong XH nhất định phải chịu sự chi phối của XH. Trong XH con người bao giờ cũng thuộc về một giai cấp nhất định, phải có dấu ấn nhất định.
  - Trong QT hình thành XH loài người, các DT cũng được hình thành. Mỗi người nhất thiết phải sống trong một DT nhất định. Vì thế TL con người luôn chịu ảnh hưởng của TL DT mình.



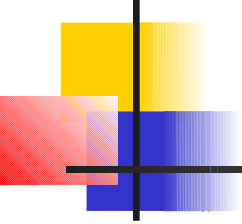


# Quan điểm của TLH hiện đại về bản chất TL con người

---

- Tâm lí con người mang bản chất lịch sử:

TL con người ở các thời kì lịch sử khác nhau, các thời đại văn hóa, xã hội khác nhau, các chế độ XH khác nhau thì khác nhau, nó do điều kiện LS - XH và HĐ sống của con người qui định. TL con người không tĩnh tại mà luôn luôn vận động và phát triển cùng với sự vận động và phát triển của XH.



# Đối tượng, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của TLH

---

1. Đối tượng của TLH
2. Vị trí của TLH
3. Chức năng của TLH
4. Nhiệm vụ của TLH



# Đối tượng của TLH

---

TLH nghiên cứu các hiện tượng TL một cách có hệ thống và các qui luật nảy sinh, phát triển và cơ chế sinh lí của các hiện tượng TL đó.

Các loại hiện tượng TL:

- Quá trình TL:

Là hiện tượng TL có mở đầu, diễn biến, kết thúc nhằm biến những tác động bên ngoài thành hình ảnh TL.



# Đối tượng của TLH

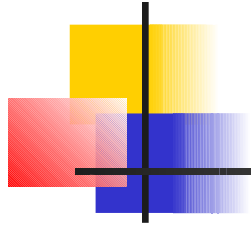
---

QTTL gồm:

- QTNT: cảm giác, tri giác, trí nhớ, TD, TT.
- Xúc cảm.
- QT ý chí, hành động, ngôn ngữ.

- Trạng thái TL:

Là hiện tượng TL diễn biến không rõ mớ đầu và không rõ cả kết thúc, không có ĐT riêng nên phải đi kèm theo các hiện tượng TL khác, nó đóng vai trò làm nền cho các hiện tượng TL đó.



# Đối tượng của TLH

---

Trạng thái TL gồm:

- Chú ý (đi với QTNT). VD, chú ý nghe giảng.
- Phân vân (đi với TD).
- Hồ hởi, bâng khuâng, tâm trạng (đi với xúc cảm, tình cảm).
- Tin tưởng hoặc nghi ngờ (đi với ý chí).



# Đối tượng của TLH

---

## Thuộc tính TL:

Là các quá trình TL và trạng thái TL lặp đi lặp lại nhiều lần, được khái quát lên thành những hiện tượng TL thường trực, lúc nào cần cho một hoạt động nào đó là chúng xuất hiện. Chúng có tính ổn định bền vững.

Gồm: xu hướng, năng lực, tính cách, khí chất, tình cảm, ý chí,...

- Ngoài ra ý thức cũng là đối tượng nghiên cứu của TLH.



# Vị trí của TLH

---

TLH là khoa học trung gian nằm giữa khoa học XH và khoa học TN.

Vì TL nghiên cứu TL con người, mà con người về mặt bản chất là một thực thể XH, con người từ khi mới sinh ra đã nằm trong cái nôi của các mối QHXXH phức tạp, nên TLH có tính chất của khoa học XH.

Về mặt giải phẫu học con người là một thực thể TN do vật chất cấu thành, nên TLH có tính chất của khoa học TN.



# Chức năng của TLH

---

Có 3 chức năng:

- Chức năng định hướng: là xác định phương hướng cho hành động, hành vi.
- Chức năng điều khiển: là đôn đốc hành động theo mục đích đã đặt ra.
- Chức năng điều chỉnh: là uốn nắn các hành động cho phù hợp để sớm đạt được kết quả.





# Nhiệm vụ của TLH

---

- Vạch ra những yếu tố khách quan và chủ quan nào ảnh hưởng đến sự hình thành các hiện tượng TL.
- Vạch ra được cơ sở sinh lí của các hiện tượng TL.
- Mô tả để nhận diện các hiện tượng TL khác nhau trong đời sống con người.
- Vạch ra mối quan hệ, tác động qua lại giữa các hiện tượng TL khác nhau.



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

1. Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp
2. Phương pháp nghiên cứu TLH

# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

## ▪ Nguyên tắc khách quan:

Khi nghiên cứu các hiện tượng TL không được thêm bớt một cái gì vào hiện tượng TL đó, mà phải nghiên cứu nó như nó vẫn có trong thực tế.

- Phải nghiên cứu từ chính bản thân cá nhân.

V.I.Lênin: “phán đoán một con người không phải dựa vào lời nói và ý nghĩ của họ, mà dựa vào hành vi của họ”.



# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

---

- Ngoài việc nghiên cứu biểu hiện của hành vi, phải nghiên cứu diễn biến về sinh lí của cơ thể.

- Khóc: → vì buồn
  - vì vui quá, mừng quá
- Run: → vì sợ
  - vì rét
  - vì tức giận
  - vì hồi hộp quá, vui sướng
  - vì đói,...



# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

---

- Không được phán đoán một cách chủ quan mà phải qua hoạt động của con người cụ thể để đánh giá.

■ Nguyên tắc quyết định luận:

Phải nghiên cứu TL trong mối quan hệ giữa con người với hoàn cảnh, môi trường xung quanh.

# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

---

- Nguyên tắc liên hệ lẫn nhau:

Phải nghiên cứu các hiện tượng TL trong mỗi liên hệ giữa chúng với nhau và trong mỗi liên hệ giữa chúng với các hiện tượng TL khác.

- Các hiện tượng TL:

- Quá trình TL: các quá trình NT,...
- Trạng thái TL: lo lắng, bình tĩnh,...
- Thuộc tính TL: xu hướng, năng lực, tính cách,

...

# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp



- Nguyên tắc vận động và phát triển:

Phải nghiên cứu TL trong sự vận động và phát triển của chúng. Vì mỗi hiện tượng TL đều có quá trình nảy sinh và phát triển. TL có thể thay đổi.

Tư duy: trẻ trước 4t: TD trực quan hành động

trẻ 4 – 6t: TD trực quan hình ảnh

11 – 12t trở lên: TD trừu tượng



# Nguyên tắc chỉ đạo phương pháp

---

- Nghiên cứu TL một con người cụ thể:

Vì nghiên cứu TL người là nghiên cứu TL một con người cụ thể. Vì thế chọn người để làm đối tượng NC là điều cần thiết và có ý nghĩa. Vì khi lựa chọn đồng thời cũng là không chế các ĐK có thể ảnh hưởng đến việc NC.





# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

- Phương pháp quan sát:

*Nghiên cứu, tri giác những biểu hiện bề ngoài của TL một cách có tổ chức, có chủ định, có mục đích rõ ràng.*

Có 2 loại quan sát: trực tiếp và gián tiếp.



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

Ưu nhược điểm của phương pháp:

- Ưu: thu thập được tài liệu cảm tính trực quan, đảm bảo tính chất KQ của nó và hiểu được cá nhân cụ thể.
- Nhược: thường mang nặng tính chất CQ cá nhân, tài liệu thiếu hệ thống, tản mạn. Quan sát một lần độ tin cậy không đảm bảo nên phải quan sát nhiều lần.



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

- Phương pháp thực nghiệm:

Có 2 loại thực nghiệm: Tự nhiên và trong phòng thí nghiệm.

- Thực nghiệm tự nhiên:

*Là phương pháp được tiến hành trong ĐK sinh sống và HĐ hàng ngày của con người.*



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

Ưu nhược điểm của phương pháp:

- Ưu: thu thập được SL tài liệu lớn và tài liệu thu được thực tế, chính xác.
- Nhược: tài liệu không chính xác bằng tài liệu thu được theo phương pháp thực nghiệm trong phòng thí nghiệm nên vẫn phải làm thí nghiệm nhiều lần.



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

- Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm:

*Phương pháp được tiến hành trong phòng thí nghiệm, có dụng cụ thí nghiệm đặc biệt. Người làm thực nghiệm tự tạo ra ĐK để làm nảy sinh hay phát triển một hiện tượng TL để nghiên cứu.*



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

Ưu nhược điểm của phương pháp:

- Ưu: tài liệu tương đối chính xác nhất, tài liệu phản ánh KQ, nghiên cứu chủ động.
- Nhược: không thể khống chế được hoàn toàn ảnh hưởng của yếu tố CQ người bị thí nghiệm, số lượng người bị thí nghiệm ít, không phản ánh được hoạt động thực tiễn của con người.



# Phương pháp nghiên cứu TLH

---

- Phương pháp đàm thoại:

*Phương pháp nhận biết TL của cá nhân thông qua giao tiếp với họ.*

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:

*Dựa vào sản phẩm HĐ của cá nhân để đánh giá những phẩm chất về tính cách và năng lực của họ.*